

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2017/DS- ST;
Ngày 18 - 9 – 2017;
“V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”;

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT- TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Đoàn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tiến Dũng;

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Lâm;

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Cảnh– Thư ký Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Cường – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 18 - 9 - 2017, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân TP. B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 206/2017/TLST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2017/QĐXXST- DS ngày 21/8/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Lệ H, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Vũ Thị Kim H, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn: Chị Lê Thị Thanh H, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, (Có mặt).

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà H: Ông Phạm Văn N - Là Luật sư của Văn phòng luật sư B- Thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk;

Địa chỉ: Xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Lâm Tấn V, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 15/5/2017, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn: Chị Phạm Thị Lệ H trình bày:*

Từ năm 2014 đến nay vợ chồng chị H và anh V đã cho bà Vũ Thị Kim H vay tiền nhiều lần, hai bên đều thỏa thuận mỗi lần vay đều lập giấy vay tiền riêng và bên vay phải trực tiếp viết vào giấy vay, sau khi bên vay trả xong khoản tiền vay ghi trong giấy thì bên cho vay đưa lại giấy vay tiền cho bên vay.

Vào ngày 17/5/2016 vợ chồng chị H và anh V có cho bà Vũ Thị Kim H vay số tiền 300.000.000đồng (*Ba trăm triệu đồng*), lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay 02 tháng, đến ngày 17/7/2016 trả gốc và lãi, hai bên có viết giấy vay tiền. Bà Vũ Thị Kim H đã trả được 02 lần; lần 1: Vào ngày 17/7/2016 trả 100.000.000đồng và lần 2 vào ngày 28/12/2016 trả 70.000.000đồng. Tổng cộng bà Vũ Thị Kim H đã trả được 170.000.000đồng. Hiện bà Vũ Thị Kim H còn nợ 130.000.000đồng.

Chị H không đồng ý việc bà Vũ Thị Kim H cho rằng khoản tiền vay trên bà Vũ Thị Kim H đã trả 35.000.000đồng vào ngày 03/11/2016 và hai bên viết lại giấy vay tiền mà bà Vũ Thị Kim H nộp cho Tòa án, nội dung vay 265.000.000đồng, thì đây là một khoản tiền chị H cho bà Vũ Thị Kim H vay ngày 03/01/2016, khoản tiền vay này không liên quan đến khoản tiền 300.000.000đồng bà Vũ Thị Kim H vay ngày 17/5/2016, không có việc chị H nói làm thất lạc mất giấy vay tiền ngày 17/5/2016, vì nếu làm mất giấy thì bà Vũ Thị Kim H sẽ không trả tiền cho chị H. Cả hai lần bà Vũ Thị Kim H đến trả tiền cho chị H theo giấy vay tiền ngày 17/5/2016 thì chị H đều ghi ngay số tiền mà bà Vũ Thị Kim H đã trả vào mặt sau của giấy vay tiền trước sự chứng kiến của bà Vũ Thị Kim H và ngày 28/12/2016 bà Vũ Thị Kim H vẫn còn trả tiền cho chị H theo giấy vay tiền ngày 17/5/2016.

Đối với khoản tiền 265.000.000đồng chị H cho bà Vũ Thị Kim H vay vào ngày 03/01/2016, khoản tiền này bà Vũ Thị Kim H đã trả nợ xong và chị H trả lại giấy vay tiền gốc cho bà Vũ Thị Kim H, khi vay và trả xong nợ thì trong giấy vay tiền không có nội dung viết trong giấy như: Tính từ trên xuống dưới dòng thứ 13 viết số “1”; dòng thứ 14 “*chuyển nợ từ giấy vay 17/5/2016*”; dòng thứ 15 “(*giấy vay 17/5/2016 đã hết giá trị*)”; dòng thứ 18 tháng cho vay là tháng 01 thêm số “1” sửa thành tháng “11”. Những nội dung này là do bà Vũ Thị Kim H sau khi nhận lại giấy vay tiền đã tự viết thêm vào. Trong Giấy vay tiền này chị H chỉ viết ở dòng dưới cùng bên góc trái là “*150 TR chưa lãi. 5/12.*” khi bà Vũ Thị Kim H trả nợ 150.000.000đồng vào ngày 05/12/2016, số tiền còn lại đến khoảng 07 ngày sau thì bà Vũ Thị Kim H trả hết nợ, ngoài chữ chị H viết ra, thì toàn bộ chữ viết còn lại là chữ của bà Vũ Thị Kim H viết.

Nay đã quá thời hạn vay chị H yêu cầu bà Vũ Thị Kim H phải trả cho vợ chồng chị số tiền là 130.000.000đồng số tiền vay gốc còn nợ và tiền lãi theo mức lãi suất 1%/tháng, tính từ ngày 29/12/2016 đến 29/8/2017 là 08 tháng (240 ngày) là 10.400.000đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 140.400.000đồng.

- *Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Phạm Văn N trình bày:*

Ngày 17/5/2016 bà Vũ Thị Kim H vay của chị H 300.000.000đồng, thời hạn vay như trong giấy vay tiền, hai bên có thỏa thuận lãi, mức lãi suất bà Vũ Thị Kim H không nhớ, khoản tiền này bà Vũ Thị Kim H đã trả nợ cho chị H 03 lần;

Lần 1: Ngày 03/11/2016 trả 35.000.000đồng, còn nợ lại 265.000.000đồng, Giấy vay tiền ngày 17/5/2016 chị H nói làm thất lạc mất nên hai bên thỏa thuận viết lại Giấy vay tiền với số tiền vay là 265.000.000đồng. Bà Vũ Thị Kim H là người trực tiếp viết nội dung trong giấy vay tiền.

Lần 2: Ngày 05/12/2016 trả 150.000.000đồng, chị H có viết tắt ở mặt trước phía dưới cùng bên góc trái giấy vay tiền.

Lần 3: Ngày 25/01/2017 trả 115.000.000đồng, hai bên không ghi vào giấy.

Lý do những lần bà Vũ Thị Kim H khi trả tiền cho chị H hai bên không ghi rõ, đầy đủ nội dung là trả tiền vay nợ vào Giấy ghi nợ lại tiền vay ngày 03/11/2016 là do hai bên trước đó đã có quan hệ vay tiền nhiều lần, tin tưởng nhau, mỗi lần vay hai bên đều lập giấy vay tiền, bên vay tiền khi trả nợ xong thì lấy lại giấy vay tiền gốc. Ngày 05/12/2016 khi bà Vũ Thị Kim H trả 150.000.000đồng chị H có viết tắt vào ở mặt trước dòng dưới cùng bên góc trái giấy là “ 150 TR chưa lãi. 5/12. ” có chữ ký bà Vũ Thị Kim H cuối dòng.

Ngày 25/01/2017 (tức là ngày 28/12/2016 Âm lịch) khi trả hết số tiền còn nợ 115.000.000đồng cho chị H, thì hai bên cũng không lập giấy tờ gì, mà bà H chỉ đưa lại giấy vay tiền viết ngày 03/11/2016 cho bà Vũ Thị Kim H.

Trong nội dung giấy vay tiền ngày 03/11/2016 có viết rõ “*chuyển nợ từ giấy vay 17/5/2016; giấy vay 17/5/2016 đã hết giá trị*” nội dung này là bà Vũ Thị Kim H viết, nhưng viết khi hai bên lập giấy vay chứ không tự viết thêm vào sau khi chị H đưa lại giấy, sau hơn 01 tháng khi bà Vũ Thị Kim H trả 150.000.000đồng thì chị H có viết vào giấy.

Như vậy, bà Vũ Thị Kim H đã trả xong khoản tiền vay 300.000.000đồng ngày 17/5/2016 cho chị H, yêu cầu Tòa án xem xét không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- *Người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn chị Lê Thị Thanh H trình bày:* Chữ viết trong giấy vay tiền ngày 03/11/2016 thì chị H chỉ viết tắt ở mặt trước, dòng chữ cuối cùng bên góc trái là “150TR chưa lãi. 5/12”. Còn toàn bộ chữ viết còn lại trong giấy vay tiền là do bà Vũ Thị Kim H viết. Bà Vũ Thị Kim H không trả chị H số tiền 170.000.000đồng làm hai lần vào các ngày 17/7/2016 và ngày 28/12/2016. Còn các nội dung khác chị Lê Thị Thanh H thống nhất với nội dung trình bày của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Lâm Tấn V thống nhất với nội dung trình bày của nguyên đơn.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX Áp dụng Điều 471; Điều 474; Điều 476; Điều 478 của Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Lệ H.

Buộc bà Vũ Thị Kim H phải trả cho vợ chồng chị H, anh V tổng số tiền là 140.400.000đồng tiền vay tài sản; (Trong đó: tiền gốc là 130.000.000 đồng và tiền lãi là 10.400.000đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về nội dung: Xét Giấy vay tiền ghi ngày 03/11/2016 có nội dung bà Vũ Thị Kim H vay chị H 265.000.000đồng từ ngày 03/11/2016, lý do vay tiền mục đích “*chuyển nợ từ giấy vay 17/5/2016*”, thời hạn trả gốc, lãi “*giấy vay 17/5/2016 đã hết giá trị*”; Bà Vũ Thị Kim H cho rằng vào ngày 03/11/2016 khi bà Vũ Thị Kim H trả cho chị H 35.000.000đồng vào số tiền vay ngày 17/5/2016, thì chị H nói giấy vay tiền ngày 17/5/2016 bị thất lạc mất, nhưng không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc chị H nói mất giấy, mà thực tế Giấy vay tiền ngày 17/5/2016 chị H đang giữ và đã nộp cho Tòa án.

Về nội dung và chữ viết trong giấy vay tiền ghi ngày 03/11/2016, tính từ trên xuống dưới dòng thứ 13 viết số “1”; dòng thứ 14 viết “*chuyển nợ từ giấy vay 17/5/2016*”; dòng thứ 15 viết “*giấy vay 17/5/2016 đã hết giá trị*”; dòng thứ 18 tháng cho vay là tháng 01 viết thêm số “1” sửa tháng cho vay là tháng “11”, thì giấy này là do bà Vũ Thị Kim H giữ và nộp cho Tòa án, những nội dung này các bên đều công nhận là chữ của bà Vũ Thị Kim H viết, chị H không công nhận số tiền vay trong giấy này cũng như nội dung viết là chuyển nợ từ giấy vay ngày 17/5/2016.

Bà Vũ Thị Kim H cho rằng đã trả cho chị H 03 lần tiền, nhưng những lần trả tiền vào các ngày 03/11/2016 trả 35.000.000đồng và ngày 25/01/2017 trả 115.000.000đồng nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh, mà chị H chỉ công nhận trong giấy khi bà Vũ Thị Kim H trả 150.000.000đồng vào ngày 05/12/2016. Giấy vay này bà Vũ Thị Kim H có và đã nộp cho Tòa án là do bà Vũ Thị Kim H đã trả nợ xong cho chị H và chị H đưa lại giấy vay tiền cho bà Vũ Thị Kim H là phù hợp với nội dung thỏa thuận việc vay tiền của hai bên.

Khi bà Vũ Thị Kim H trả tiền cho chị H 02 lần vào khoản tiền vay ngày 17/5/2016; Lần 1: ngày 17/7/2016 trả 100.000.000đồng; Lần 2: ngày 28/12/2016 trả 70.000.000đồng, tổng cộng là 170.000.000đồng, đều được chị H ghi ngay vào mặt sau giấy vay tiền có sự chứng kiến của bà Vũ Thị Kim H và tính đến lần thứ 02 bà Vũ Thị Kim H trả tiền (ngày 28/12/2016) thì thời điểm trả tiền này sau cả thời điểm lập giấy vay tiền (ngày 03/11/2016).

Như vậy, khoản tiền 265.000.000đồng chị H cho bà Vũ Thị Kim H vay ghi ngày 03/11/2016, thì đây là một khoản tiền vay riêng, không phải khoản tiền chuyển nợ từ số tiền vay ngày 17/5/2016 và cần khẳng định khoản tiền vay 300.000.000đồng ngày 17/5/2016 bà Vũ Thị Kim H chưa trả nợ xong cho chị H, nên chị H vẫn còn giữ lại giấy vay tiền gốc.

[2]. Xét yêu cầu kiện đòi tiền vay tài sản của chị Phạm Thị Lệ H:

Khoản tiền vay gốc là 130.000.000đồng và tiền lãi là 10.400.000đồng của vợ chồng chị H, anh V đối với bà Vũ Thị Kim H, thì thấy trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phía bị đơn bà Vũ Thị Kim H đều thừa nhận vào ngày 17/5/2016 có vay của chị H 300.000.000đồng, thời hạn vay 02 tháng đến ngày 17/7/2016 trả gốc và lãi, có thỏa thuận lãi suất vay.

Chị H và bà Vũ Thị Kim H đều thừa nhận hai bên đã có quan hệ vay tiền nhiều lần và khi cho vay hai bên thỏa thuận và bên vay phải trực tiếp viết vào giấy vay, sau khi bên vay trả xong khoản tiền vay ghi trong giấy thì bên cho vay đưa lại giấy vay tiền gốc cho bên vay.

[3]. Xét thấy đây là hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2005 (BLDS) đến thời hạn trả tiền, nhưng bà Vũ Thị Kim H không trả tiền cho vợ chồng chị H, anh V theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo hợp đồng (Điều 474 BLDS). Việc hai bên làm giấy vay tiền vào ngày 17/5/2016 là hoàn toàn tự nguyện, bà Vũ Thị Kim H vay 300.000.000đồng và đã trả được tổng cộng là 170.000.000đồng, còn nợ 130.000.000đồng.

Do đó yêu cầu kiện đòi tiền của chị H về khoản tiền bà Vũ Thị Kim H vay và tiền lãi còn nợ là đúng pháp luật. Nên HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005; Cụ thể tiền gốc là 130.000.000đồng, tiền lãi là: $130.000.000\text{đồng} \times 1\%/\text{tháng} \times (240\text{ngày} : 30) = 10.400.000\text{đồng}$. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 140.400.000đồng.

Căn cứ vào Điều 471, 474, khoản 1 Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005 cần buộc bà Vũ Thị Kim H phải trả cho vợ chồng chị Phạm Thị Lệ H, anh Lâm Tấn V số tiền vay còn nợ là 140.400.000đồng tiền vay tài sản; (Trong đó: tiền gốc vay là 130.000.000đồng và tiền lãi là 10.400.000đồng).

[4]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch mà HĐXX buộc phải trả là $140.400.000\text{đồng} \times 5\% = 7.020.000\text{đồng}$.

Chị Phạm Thị Lệ H được nhận lại 3.250.000đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị Hiệp đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 471, Điều 474, Điều 476, Điều 478 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Vũ Thị Kim H phải trả cho vợ chồng chị Phạm Thị Lệ H và anh Lâm Tấn V số tiền là 140.400.000đồng (Một trăm bốn mươi triệu, bốn trăm nghìn đồng), tiền vay tài sản; (Trong đó: Tiền gốc là 130.000.000đồng và tiền lãi là 10.400.000đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

2.1. Bà Vũ Thị Kim H phải chịu 7.020.000đồng (Bảy triệu, không trăm hai mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Chị Phạm Thị Lệ H được nhận lại 3.250.000đồng (Ba triệu, hai trăm lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị Phạm Thị Lệ H đã nộp (Anh Lâm Tấn V nộp thay) theo biên lai thu số AA/2016/0000468, ngày 23/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Thông báo quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- P. Kiểm tra- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. B;
- CC THADS TP. B;
- Lưu HS, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Phạm Văn Đoàn